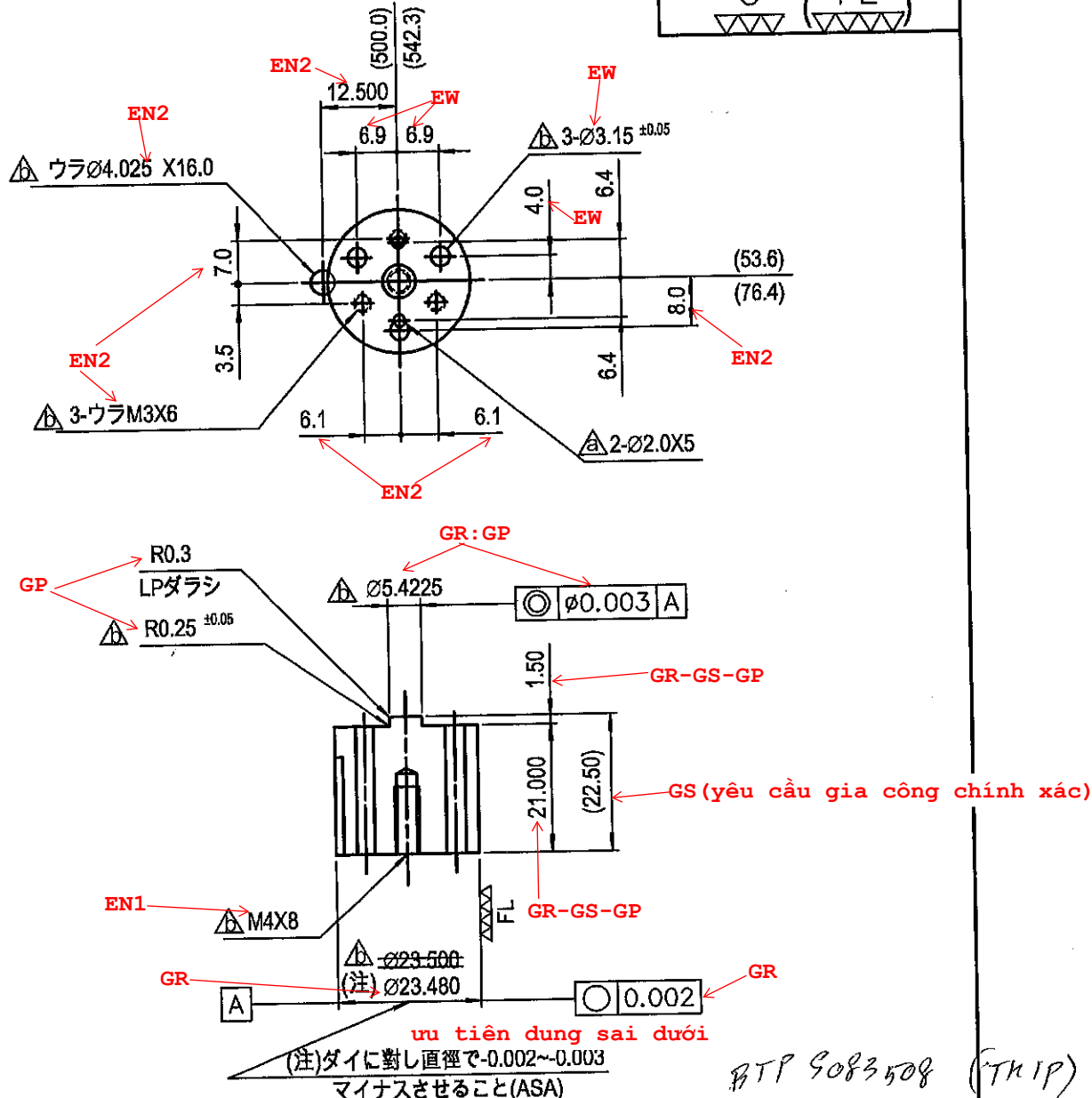


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. NO.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
1	2012/07/17	追記				0.0000 ±0.002 0.000 +0 -0.005
2	2014/05/09	訂正 外径23.50 → 23.480 と寸法中心値標註	100MUKLB-144800	Lang Jin Yinn	Chang Fu Rung	0.000 ±0.005 0.000 -0 +0.005
				Wu Chin Wu	Chang Fu Rung	0.00 ±0.01 0.00 +0 -0.01
						0.0 ±0.1 0.00 -0 +0.01
						0. ±0.2 0.0 +0 -0.1
						0.0 -0 +0.1

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED
FINISH MARKS
G (FL)



DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Hong_Ying_Zhi	Chang_Fu_Rung	部品図 PART DRAWING	プッシュバックプレート PUSH-BACK PLATE
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	推回板
HRC		部品図	推回板
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
WC(D50/HIP)	2011/11/02	1:1	S083508

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: **S083508**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>BTP</b> <b>S083508</b>	EN1:30 GR:60 GS:60 GP:90 EW:90 EN2:300 AF:20 KT